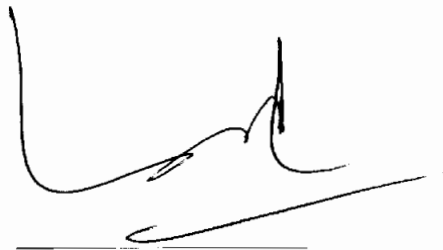


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

		Đơn vị tính: VND			
		Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2.2011	Quý 2.2010	Năm nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	7,941,174,670	18,478,210,354	17,512,631,581	50,078,458,705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	7,941,174,670	18,478,210,354	17,512,631,581	50,078,458,705
4. Giá vốn hàng bán	VI.2	7,445,884,937	20,734,205,846	16,568,043,248	48,507,635,267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		495,289,733	(2,255,995,492)	944,588,333	1,570,823,438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	821,470,957	5,025,328,286	9,421,060,163	13,948,300,863
7. Chi phí tài chính	VI.4	929,704,826	2,590,947,315	1,383,883,925	5,083,935,998
Trong đó: chi phí lãi vay			5,306,172	-	36,458,237
8. Chi phí bán hàng	VI.5	(38,025,000)	42,335,525	0	339,499,048
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	1,874,632,010	1,475,553,271	3,552,607,783	4,587,945,155
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,449,551,146)	(1,339,503,317)	5,429,156,788	5,507,744,100
11. Thu nhập khác	VI.7	766,632,422	154,651,592	778,684,422	10,485,579,765
12. Chi phí khác	VI.8	(2)	14,310	-	10,329,992,916
13. Lợi nhuận khác		766,632,424	154,637,282	778,684,422	155,586,849
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(682,918,722)	(1,184,866,035)	6,207,841,210	5,663,330,949
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.18	-	(681,362,509)	-	963,436,737
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(682,918,722)	(503,503,526)	6,207,841,210	4,699,894,212
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	-	-	-	-


Giám đốc Tài chính
Trần Anh Phượng


Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc